

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/10/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK10+BK5	7:25	22+0+0	0+0+0		16+3+0	0+0+0	chuyen 3 bk10-bk5
2		TD5+P10+BK6	7:25	21+0+1	0+0+0		20+0+0	0+0+0	chuyen 1 p10-bk6
3		RP3+RCDM	9:25	22+0	0+0		18+2	0+0	
4		TTC2+P4+BK8	9:25	1+21+0	0+0+0		1+15+2	0+0+0	
5		P2+TD5+RP3	11:25	14+5+3	0+0+0		4+9+2	0+0+0	
6		RC3+PPD+P4	11:25	2+18+2	0+0+0		0+14+0	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD - BK10 - BK5	CREW: MTHAO - VThắng - HIẾU -	ETA: 09:10
XANH-1		Tú	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	78	1	9	60	84	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN NAM	PPD	85	1	5		86	KHI	Vietnamese
3	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	86	1	6		77	KHI	Vietnamese
4	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	75	1	4		56	KHI	Vietnamese
5	ĐINH NGỌC QUY	PPD	79	1	6		77	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT ĐÀI	PPD	84	1	6		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	80	1	5		69	KHI	Vietnamese
8	HOÀNG MINH HIẾU	PPD	88	1	4		68	KHI	Vietnamese
9	LÊ HỒNG PHONG	PPD	87	1	8		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	89	1	6		56	KHI	Vietnamese
11	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	90	1	7		81	KHI	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	83	1	4		62	KHI	Vietnamese
13	HOANG HUY TIEN	PPD	95	1	5		55	KHI	Vietnamese
14	HA THE BAO	PPD					77	KHI	Vietnamese
15	LÊ NGỌC TUÂN	PPD	900	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HIỀN	PPD	98-99	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VIỆT QUANG	PPD	96-97	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC KHANG	PPD	81-82	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	76-77	2	7		56	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ VĂN CĂN	PPD	93-94	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ANH TUÂN	PPD	91-92	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HUY VINH	PPD	71	1	6		63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	191	1.576	60	16		CHUYEN 3 PAX BK10-BK5
2	BK10	0	0	0	0	20	3+3		
3	BK5	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		22	27	191	1.576	110	19		
WEIGHT KG				191	1.576	110			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2022	TO: TD5 - P10 - BK6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	98	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NHU Y	TD5				70	82	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH VAN SU	TD5					78	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN HIEN	TD5	67	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN DUY ĐỨC	TD5	66	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY KHANH	TD5				8	79	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH DUONG	TD5	70,72	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
8	VU XUAN ANH	TD5	69	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HIEN	TD5					66	KHOAN	Vietnamese
10	LAM VAN HANH	TD5	90	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM ĐANG KHÔI	TD5	99,600	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐAI HAI	TD5	95	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY KHIEM	TD5	68	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
14	NGO TRI HOANG	TD5	64	1	10		68	DVL	Vietnamese
15	TRAN THAI AN	TD5	61	1	12		71	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC HUNG	TD5	87	1	8		80	DVL	Vietnamese
17	ĐO VAN THAI	TD5	89	1	15		68	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC NINH	TD5	65	1	14		72	DVL	Vietnamese
19	PHAM TUNG VY	TD5	88	1	12		67	DVL	Vietnamese
20	PHAM XUAN HUNG	TD5	71	1	10		72	DVL	Vietnamese
21	LE THANH TRUNG	TD5	93	1	14		70	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG PHUC	BK6	67-68	2	20	39	88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	19	159	1.527	78	20		CHUYEN 1 PAX P10 - BK6
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	BK6	1	2	20	88	39	0		
TOTAL		22	21	179	1.615	117	20		
WEIGHT KG				179	1.615	117			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: RP3 - RCDM	CREW: MTHAO - VThắng - HIẾU - Tú	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	63	1	3		74	KHI	Vietnamese
2	TU NGOC HAI	RP3	64-65	2	12		65	KHI	Vietnamese
3	VU MANH CUONG	RP3	61	1	2		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	60	1	5		80	KHI	Vietnamese
5	LÊ HOÀNG ANH	RP3	92-93	2	10		67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC CUONG	RP3	62	1	5		77	KHI	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	74	1	10		82	KHI	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	94	1	3		71	KHI	Vietnamese
9	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3	58-59	2	13		69	KHI	Vietnamese
10	TRÌNH QUANG HUY	RP3					71	KHI	Vietnamese
11	MAI XUÂN TUONG	RP3	90	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
12	ĐẶNG TUẤN ANH	RP3	91	1	8	67	88	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	57	1	5		76	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	66	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	500	1	2		60	KHI	Vietnamese
16	TẠ PHI KHÁNH	RP3	700	1	2	20	72	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HUY	RP3	82	1	14		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NAM	RP3	77-78	2	11		69	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH PHÁT	RP3	80-81	2	10		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HIẾU	RP3	55-56	2	19	16	80	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH HIỀN	RP3	96-97	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐẶNG THẮNG LONG	RP3	98-99	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	29	183	1.587	103	18		
2	RCDM	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	29	183	1.587	123	20		
WEIGHT KG				183	1.587	123			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2022	TO: TTC2 - P4 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN KHUONG	TTC2	81-82	2	12	20	75	DK9	Vietnamese
2	OVCHARENKO A. N.	P4	500	1	3	50	81	KH-THAC	Russian
3	TRUONG THANH GIAP	P4	86	1	3		72	KHI	Vietnamese
4	DOAN THANH CONG	P4	80-81	2	12		75	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HA	P4	93	1	2		68	KHI	Vietnamese
6	DO ĐUC LONG	P4	83	1	5		55	KHI	Vietnamese
7	BUI ĐANG TIEN	P4	94	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	LE MINH HIEU	P4	84,82	2	12		74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LUAN	P4	88	1	4		72	KHI	Vietnamese
10	HOANG TRONG TAN	P4	92	1	6		75	KHI	Vietnamese
11	TÀ VAN QUYNH	P4					75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN THANH	P4	78	1	4		61	KHI	Vietnamese
13	PHAM HUU THO	P4	85	1	7		65	KHI	Vietnamese
14	LE HUY CHUONG	P4	74	1	7		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH GIAP	P4	89	1	5		69	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN ANH	P4	87	1	5		68	KHI	Vietnamese
17	LE TRUNG LAM	P4	90	1	2		66	KHI	Vietnamese
18	DOAN VAN TRUC	P4	95	1	6		68	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THINH	P4	98-99	2	4		72	KHI	Vietnamese
20	VU PHUONG HUY	P4	79	1	7		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN ĐUC HAO	P4	91	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐAO VAN KHOI	P4	96	1	20	13	54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	1	2	12	75	20	1		
2	P4	21	23	131	1.445	63	15		
3	BK8	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	25	143	1.520	123	18		
WEIGHT KG				143	1.520	123			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 05	TO: P2 - TD5 - RP3	CREW: VThắng - NPhú - NNam	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	64	1	5	50	61	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN TRE	P2	71-72	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	P2	69-70	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THÀNH TUYẾN	P2	54-55	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC TUẤN	P2	52-53	2	21		85	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P2	58-59	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG LỰC	P2	67-68	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
8	LÝ HỮU THẮNG	P2	65-66	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	62-63	2	14		67	TRƯỜNG	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN QUÂN	P2	57	1	15		67	TRƯỜNG	Vietnamese
11	VŨ TẤN TÀI	P2	60	1	12		73	TRƯỜNG	Vietnamese
12	PHAN TÀI DANH	P2	56	1	11		61	TRƯỜNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LỘC	P2	61	1	5		59	TRƯỜNG	Vietnamese
14	LE XUAN DUONG	TD5	76	1	8	4	72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN VINH	TD5	82	1	10		90	DVL	Vietnamese
16	TÀNG TIẾN TOÀN	TD5	77	1	11		76	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN THIỆU BÌNH	TD5	78-79	2	20		59	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI ĐĂNG	TD5	80-81	2	18		83	DVL	Vietnamese
19	HO VAN ANH	TD5					78	PSV	Vietnamese
20	MAI DUY TÂN	RP3	75-76	2	15	15	71	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ QUANG KHAI	RP3	74	1	7		87	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN HIỆP	RP3	72	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	21	196	887	50	4		
2	TD5	6	7	67	458	4	9		
3	RP3	3	4	27	222	15	2		
TOTAL		22	32	290	1.567	69	15		
WEIGHT KG				290	1.567	69			

GRAND TOAL: 1.926 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2022	TO: RC3 - PPD - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - QTrưởng	ETA: 13:45
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG HỮU THUẬN	RC3	42-43	2	15		63	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	RC3	94	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	60	1	3		67	KHI	Vietnamese
4	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	59	1	5		63	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	70	1	2		82	KHI	Vietnamese
6	VU VAN CHIEN	PPD	62-63	2	10		70	KHI	Vietnamese
7	TRẦN HOÀNG CHUÔNG	PPD	65	1	7		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	50	1	10		72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU QUANG	PPD	46-47	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐÔNG	PPD	48-49	2	18		54	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG TUYẾN	PPD	67-69	3	13		77	T-TIN	Vietnamese
12	ĐÌNH XUÂN TOÀN	PPD	51	1	14	17	57	T-TIN	Vietnamese
13	VU ĐỨC HÙNG	PPD	54-57	4	20	40	90	T-TIN	Vietnamese
14	TRẦN BAO CHUÔNG	PPD				40	62	T-TIN	Vietnamese
15	HOÀNG VIỆT ANH	PPD	66	1	6		62	PSV	Vietnamese
16	MAI MINH TIEN	PPD	53	1	3		72	PSV	Vietnamese
17	LÊ TIẾN LỢI	PPD	61	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	64	1	3		54	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	58	1	3		76	KHI	Vietnamese
20	ĐẠO ANH TUẤN	PPD	45	1	2		60	KHI	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH VŨNG	P4	72-73	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ ĐỨC NGHĨA	P4	71	1	7		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	3	23	138	0	0		
2	PPD	18	25	144	1.216	97	19		
3	P4	2	3	27	135	0	0		
TOTAL		22	31	194	1.489	97	19		
WEIGHT KG				194	1.489	97			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


